

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Doãn Diên (1990), *Vấn đề chất lượng lúa gạo*, Tạp chí Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (9/1990), trang 96-98.
2. Nguyễn Xuân Dũng (2010), *Quy trình kỹ thuật sản xuất giống lúa thơm HT6*, số chuyên đề “Mỗi tuần một giống mới”, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam số 7 (20)/2010, trang 19-22.
3. Nguyễn Xuân Dũng, Lê Vĩnh Thảo, Nguyễn Minh Công và CTV (2010), *Kết quả nghiên cứu chọn tạo giống lúa tẻ thơm chất lượng cao cho vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ giai đoạn 2006-2010*, Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ 2006 - 2010, Kỷ yếu Hội nghị khoa học công nghệ ngày 5-6/11/2010 tại Hà Nội của Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, NXB Nông nghiệp, trang 174 – 180.
4. Nguyễn Hữu Nghĩa, Lê Vĩnh Thảo, Nguyễn Xuân Dũng (2007), *Nghiên cứu phát triển một số giống lúa đặc sản cho một số vùng sinh thái của Việt Nam*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam số 2 (3)/2007, trang 33-42.
5. Lê Vĩnh Thảo, Bùi Chí Bửu, Lưu Ngọc Trinh, Nguyễn Văn Vương (2004), *Các giống lúa đặc sản, giống lúa chất lượng cao và kỹ thuật canh tác*, NXB Nông nghiệp-Hà Nội.

4. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA OM11267 (MNR1)

Nguyễn Thị Lang*

I. NGUỒN GỐC

Giống lúa OM11267 (MNR1) được chọn lọc từ tổ hợp lai OM1490/OM3536, kết hợp các đặc tính quý của cây cha mẹ, thông qua MAS chọn lọc chính xác và rút ngắn thời gian chọn lọc con lai. Được Bộ NN&PTNT cho phép sản xuất thử theo Quyết định số 387/QĐ-TT-CLT.

II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

Thời gian sinh trưởng: 90-95 ngày, thân rạ cấp 3, cao cây 95-105cm, đẻ nhánh tốt, số bông/m² 320-360, trọng lượng 1000 hạt 25-26g. Giống lúa OM11267 có mặt gạo đẹp, trong, ít bạc bụng. Tỷ lệ gạo nguyên 48%. Chiều dài hạt 7,2mm. Hàm lượng amylose 22-23%. Độ bạc bụng cấp 1-3.

Năng suất trung bình 5-7 tấn/ha.

Đặc biệt giống OM11267 là giống chịu phèn; có khả năng kháng được bệnh đạo ôn (cấp 4) và kháng rầy nâu (cấp 3-7).

III. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT

1. Thời vụ gieo, cấy

Ở các tỉnh ĐBSCL giống OM11267 có thể gieo trồng cả hai vụ đông xuân và hè thu. Thời gian gieo cấy áp dụng theo khung thời vụ của từng địa phương.



Email: ntlang@hcm.vnn.vn

2. Chuẩn bị hạt giống

Chọn giống và xử lý hạt giống: Chọn lọc hạt giống kỹ từ vụ mùa năm trước, loại bỏ tạp chất, giống khác, hạt lép, lửng. Hạt giống phải khô sạch, có tỷ lệ nảy mầm 85-90% trở lên. Trước khi ngâm ủ phải đãi sạch bằng cách ngâm hạt giống trong nước muối với nồng độ 15% từ 5-10 phút, vớt bỏ tạp chất, hạt lép lửng, các hạt bị bệnh, hạt cỏ... nổi lên phía trên, lấy các hạt chìm đem ngâm ủ để gieo cấy.

Ngâm hạt giống no nước trong thời gian khoảng 24 giờ (một ngày đêm), sau đó vớt ra rửa sạch, để ráo nước rồi đem ủ khoảng 36-48 giờ, khi thấy hạt vừa nhú mầm là được. Trước lúc gieo có thể xử lý hạt giống với một số loại thuốc trừ nấm hoặc thuốc trừ côn trùng có tác dụng phòng trừ một số loại dịch hại lúa sau này. Lượng giống gieo sạ hàng là 80 kg/ha, sạ lan nhiều hơn (từ 80-100 kg giống/ha).

3. Mật độ và phương thức gieo cấy

Có thể gieo cấy bằng cả 2 phương thức là cấy và sạ. Phương thức cấy: Mật độ cấy 1 tép/bụi (với khoảng cách 20x20 hoặc 20x15 cm) để hạn chế sâu bệnh và dễ kiểm tra khử lẫn. Với phương thức sạ: Mật độ gieo sạ từ 80 kg giống/ha với sạ hàng, từ 80 -100 kg/ha với sạ lan.

Chú ý: Trong thời gian ngâm hạt giống nên thay nước 2-3 lần, tránh cho nước bị chua ảnh hưởng đến quá trình nảy mầm của hạt. Trong thời gian ủ, trước khi sạ 6 giờ không nên tưới nước để mầm hạt lúa khô vừa phải, to rời và không bị vón cục, khi gieo sẽ rơi đều kể cả gieo bằng tay hoặc dụng cụ sạ hàng.

4. Chuẩn bị đất và làm đất

- Vụ đông xuân: Dọn sạch cỏ, trục đánh bùn và san bằng mặt ruộng bằng máy cày bánh lồng có trang kèm theo để san bằng mặt ruộng cho đều, chôn vùi cỏ dại và rom rạ cũng như tránh mầm bệnh từ vụ trước lây lan cho vụ sau.

- Vụ hè thu: Cày đất bằng máy với độ sâu từ 15 - 20cm. Nếu có điều kiện nên phơi ải 1 tháng. Bừa kỹ và phải san phẳng để dễ điều tiết nước. Thiết kế ruộng đảm bảo có hệ thống thoát nước tốt và không bị đọng nước.

Cần chuẩn bị đất cho tốt từ ngày trước để hôm sau gieo sạ.

5. Biện pháp gieo cấy

5.1. Sạ hàng

Nên chọn biện pháp sạ hàng, tiết kiệm được giống, mật độ cây lúa thưa, ruộng lúa thông thoáng sẽ giảm sâu bệnh, chuột và đi lại chăm sóc dễ dàng. Ngoài ra, sạ hàng còn làm cho cây lúa phát triển đều, cứng cây, đến khi trổ bông lúa đóng hạt dày, hạt mẩy, ít lép... là điều kiện tăng năng suất cao hơn so với sạ lan mật độ dày. Gieo hạt bằng công cụ gieo hàng kéo tay hoặc liên hợp với máy kéo.

Tốt nhất là sạ vào buổi sáng, cần xem thời tiết, tránh trường hợp vừa gieo xong bị mưa làm cho hạt bị trôi hoặc lệch hàng. Giống phải được phơi, rây, đãi cho sạch hạt cỏ và hạt lép trước khi ngâm. Giống sau khi ngâm 24 giờ, ủ khoảng 36-48 giờ cho đến khi vừa nứt nanh thì đem sạ. Hạt giống phải để cho ráo nước, to rời và không vón cục khi để vào các trống sạ hàng, mặt trong trống cũng phải khô để hạt không bị dính và ra đều. Lượng hạt giống cho vào các trống gieo hàng phải đều nhau chỉ bằng 2/3 thể tích trống. Điều chỉnh khoảng cách gieo hàng cách hàng 20 cm. Nên kéo sạ theo hướng Bắc – Nam sẽ giúp cây lúa nhận nhiều ánh sáng mặt trời, tăng khả năng quang hợp, tăng năng suất cho cây lúa. Khi kéo sạ nên nhìn về phía trước để kéo được thẳng hàng, đợt đi đầu và đợt đi kế tiếp phải trùng vết bánh xe để đảm bảo khoảng cách. Khi gieo vừa xong nếu

bị mưa lớn có thể bơm nước ngay vào ruộng ngập khoảng 5 cm để tránh hạt lúa bị trôi hoặc nhảy lệch hàng do chưa kịp bám đất.

5.2. Cấy

- Gieo mạ: Diện tích gieo mạ để cấy cho 1 ha là 1.000 m², lượng giống từ 8 - 10 kg. Đất gieo mạ được chuẩn bị kỹ: tơi xốp, bằng phẳng, có rãnh thoát nước, lượng nước xâm xấp mặt ruộng. Có thể gieo trồng trong cả hai vụ là vụ đông xuân và hè thu.

Vụ đông xuân: Gieo mạ vào giữa tháng 11, cấy vào cuối 11 cho đến cuối tháng 2 thu hoạch (đổi với thời gian sinh trưởng 95 - 100 ngày).

Vụ hè thu: Tùy theo thời tiết hàng năm mà có thể gieo mạ vào đầu tháng 7 cho đến đầu tháng 8, trước khi nhổ mạ 3 - 5 ngày bón phân tiền chân mạ bằng 3 - 4 kg urê/1.000m² để dễ nhổ mạ để cấy lúa mau ra rễ.

- Ruộng cấy: Chọn khu ruộng có độ màu mỡ khá, mặt ruộng bằng phẳng, chủ động tưới tiêu, dễ bảo vệ và phòng chống các điều kiện bất thuận, ruộng có thể chia thành ô có cách ly hoặc dải bảo vệ (cách ly với giống khác ít nhất là 3m hoặc bố trí thời gian trở lệch ít nhất là 10 ngày).

Đất cấy có thể được trực trước khi cấy từ 15 - 20 ngày, bón lót trước cấy 1 ngày. Mạ có thể cấy ngay sau khi nhổ hoặc nhổ trước khi cấy một ngày. Khoảng cách cấy là 20 x 20 cm, số tép mạ cấy là 1 tép/bụi, độ sâu cấy 1,5 - 2 cm. Điều chỉnh lượng nước trên ruộng là 5 -10 cm. Nhổ mạ xong là cấy ngay trong ngày, không làm mạ bị giập nát, rễ mạ bị ảnh hưởng do nắng nóng hoặc khô nắng.

5.3. Các biện pháp kỹ thuật chăm sóc lúa

a) Các biện pháp kỹ thuật chăm sóc lúa sạ

**Phân bón:*

- Lượng phân bón: 80N-40P₂O₅-30K₂O kg/ha vụ hè thu, và 90N-40P₂O₅-30K₂O kg/ha vụ đông xuân.

- Cách bón:

Bón phân đợt 1: Các loại phân nên áp dụng là: urea, lân super, DAP (trường hợp không bón lót). Trường hợp có bón lót, thì sử dụng các loại phân hữu cơ như phân chuồng, phân super lân bón khi làm đất, thời gian từ 5-7 ngày sau khi sạ, bón 1/4N+1/4P₂O₅.

Bón phân đợt 1: Thời gian từ 15-25 ngày sau khi sạ, bón 1/2N + 1/2P₂O₅ + 1/2K₂O.

Bón phân đợt 2: Thời gian từ 35-40 ngày sau khi sạ, bón 1/4N + 1/2K₂O

** Chăm sóc:*

Các biện pháp khác như giữ mực nước trong ruộng, quản lý cỏ dại, phòng trừ sâu bệnh, áp dụng như ruộng sản xuất bình thường cùng loại giống và phù hợp với sản xuất đại trà trong vùng.

Thường xuyên quan sát kỹ lưỡng các cây khác dạng và màu sắc của thân lá, tỉa lia mỗi tuần từ sau khi cấy đến trước trổ.

Sau khi sạ 18-20 ngày nên tỉa dặm để đảm bảo mật độ cây lúa do lúa gieo hạt rơi đồng đều. Điều tiết lượng nước trong ruộng. Rút cạn nước trước khi sạ và giữ khô mặt ruộng trong vòng 3-5 ngày thì bắt đầu cho nước vào ruộng từ từ và giữ mực nước liên tục 5 - 7 cm là tốt nhất. Nên thay nước trong ruộng lúa từ 2-3 lần, sau mỗi lần thay nước giữ cạn trong 2-3 ngày theo cách ướm khô xen kẽ tạo điều kiện co lúa đẻ nhánh mạnh, và tập trung, hệ thống rễ ăn sâu, bền lá. Khi lúa chín vàng 7-10 ngày trước khi thu hoạch rút cạn nước trong ruộng.

b) Các biện pháp kỹ thuật chăm sóc lúa cấy

** Chăm sóc và bón phân*

Sau khi cấy 20 ngày nên sục bùn để cho rễ thoáng khí, đẻ nhánh nhiều. Phân bón có thể sử dụng công thức phân 100-40-30 kg NPK/ha cho vụ đông xuân và 80-40-30 kg NPK/ha cho vụ hè thu. Có thể chia làm nhiều lần bón (3 lần) và bón phân sớm cho lúa để nhánh mạnh, tập trung, hệ thống rễ ăn sâu, bền lá. Đón và rước đòng cho lúa bằng phân kali và urê, lượng phân sử dụng khoảng 30-50 kg/ha. Mặc khác, có thể phun Nitrat kali trước trổ và sau khi trổ đều. Ruộng lúa cần được khử lẩn trong suốt quá trình sinh trưởng của cây lúa để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng ổn định bằng cách làm sạch cỏ dại, nhổ bỏ các cây bị sâu bệnh, nhổ bỏ cây khác giống, luôn giữ mực nước trong ruộng. Sau khi lúa kết thúc đẻ nhánh nên tháo cạn ruộng trong 7 ngày để lúa đẻ nhánh và tăng cường độ cứng cây của lúa.

* *Kiểm soát cỏ dại*: Cỏ dại có thể được phân loại dễ dàng qua hình dạng lá, đốt và gân lá. Năm nhóm cỏ trong phân loại này được phân loại như sau:

Cỏ Grassy: Lá, gân lá và thân của loại cỏ này tương tự như lúa, ví dụ loài cỏ Barnyard (*Echinochloa crusgalli* (L.) Beauv.) và loại lúa Jungle (*Echinochloa colonum* (L.) Link).

Cỏ lá rộng: Hầu hết các loại cỏ trong nhóm này đều thuộc nhóm cỏ 2 lá mầm. Gân lá của chúng không song song. Hình dạng lá không quá dài, ví dụ họ Monochoria (*Monochoria vaginalis* (Burm.f.) Presl) và Wire bush (*Melochia corchorifolia* Linn).

Cây lách: Lá của loại cỏ trong nhóm này tương tự như cỏ. Nhưng hình dáng thân góc lá không có mấu: ví dụ loài lúa Flatsedge (*Cyperus iria* Linn).

Dương xỉ: Loài cỏ trong nhóm này nằm trong lớp thực vật thấp hơn cỏ. Chúng không thể sinh ra hạt nhưng thân hay bào tử của chúng là những bộ phận tái sinh, ví dụ Pepper wort (*Marsilea creanata* Presl) và Swamp fern (*Ceratopteris thalictroides* Brongn).

Rong: Rong là một lớp thực vật bậc thấp khác. Rễ, thân và lá của chúng không hoàn toàn, ví dụ loài Stone worts (*Chara zeylanica* Kl. Ex Wild).

Phòng trừ cỏ bằng các loại thuốc : Sofit 300EC, Meco 60EC, Vigor 33EC, Sirius 10WP, nominee 10SC, tiller-s, Ronstar 25EC, OK 720DD, Facet 25SCvvv

* *Phòng trừ sâu bệnh*:

Sâu phao: Dùng Fastac 5ND, Padan 95SP và Regent 800WP.

Sâu đục thân: Dùng basudin 10G, Diaphos 10G, Padan 955P.

Rầy nâu: Dùng bassa 50EC, Regent 800WP, Trebon 20ND, Mipcin 20WP. Phun tập trung tại gốc lúa.

Cách sử dụng xem trên bao bì hướng dẫn.

6. Thu hoạch và bảo quản

Sau khi lúa trổ được từ 25-28 ngày thì tiến hành thu hoạch. Trước khi thu hoạch cần kiểm tra cụ thể trên đồng ruộng nhằm tiện việc phân lô bố trí lao động thời gian gặt, bố trí sân phơi, nhà kho để không ảnh hưởng chất lượng giống.

Sau khi phơi xong, quạt sạch, đóng bao xếp vào kho theo lô, theo cấp, có lối đi, thông thoáng, tiện cho việc lấy mẫu kiểm tra mẫu đạt 13% ẩm độ là được. Trong và ngoài bao giống phải có nhãn thể ghi rõ: tên giống, cấp giống, nơi sản xuất, vụ sản xuất, khối lượng.

IV. ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ SỬ DỤNG

Giống OM6677 có thể phù hợp ở nhiều vùng đất canh tác khác nhau và biểu hiện năng suất vượt trội đặc biệt là ở các tỉnh Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Bình Thuận, Vĩnh Long, Long An,

Hậu Giang, Trà Vinh. Đặc biệt giống có khả năng chống chịu độ mặn lên đến 8dS/m nên phù hợp với nhiều vùng đất khác nhau, đặc biệt là thích nghi với những vùng đất nhiễm phèn mặn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Chí Bửu, Nguyễn Thị Lang, 2000. *Một số vấn đề cần biết về gạo xuất khẩu*. NXB Nông nghiệp, TP Hồ Chí Minh.
2. Bùi Chí Bửu, 2004. Cải tiến giống lúa đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp đến 2010. *Hội nghị quốc gia chọn tạo giống lúa*. Viện lúa ĐBSCL, Cần Thơ, tháng 7/2004.
3. Nguyễn Thị Lang, 2008. *Nghiên cứu chọn giống lúa phẩm chất cao thông qua công nghệ di truyền phục vụ tỉnh Hậu Giang*. Đề tài cấp tỉnh, Sở KHCN Hậu Giang, Hậu Giang 10/2008.
4. Nguyễn Quốc Lý, 2008. *Kết quả khảo nghiệm và kiểm nghiệm giống cây trồng năm 2008*.
5. Nguyễn Thị Lang, 2008. *Nghiên cứu giống lúa giống lúa và nếp kháng rầy nâu, đạt phẩm chất xuất khẩu và phù hợp với các vùng sinh thái tỉnh An Giang*. Đề tài cấp tỉnh, Sở KHCN An Giang, An Giang 8/2008.
6. IRRI. 1996. *Standard evaluation system for rice*. Philippines. 52 p.

5. QUY TRÌNH KỸ THUẬT SẢN XUẤT GIỐNG LÚA OM8928

Nguyễn Thị Lang*, Thái Thị Hạnh, Bùi Chí Bửu

I. NGUỒN GỐC

Giống lúa OM 8928 được chọn lọc từ tổ hợp lai OM 3536/AS996; kết hợp các đặc tính quý của cây cha mẹ, thông qua MAS chọn lọc chính xác và rút ngắn thời gian chọn lọc con lai. Được Bộ NN&PTNT cho phép sản xuất thử theo quyết định 385 QĐ-TT-CLT ngày 17/8/2012.

II. ĐẶC TÍNH NÔNG HỌC

1. Đặc tính nông học, phẩm chất và phản ứng sâu bệnh

Giống lúa OM8928 là giống ngắn ngày thuộc nhóm A1, có thời gian sinh trưởng từ 90-95 ngày; Chiều cao cây 95-100cm; Cứng cây, dạng hình đẹp, bông chùm, không lép cây.

So với các giống khác, giống này có ưu điểm đẻ nhánh rất tốt với số bông/m² khá cao 340-380, số hạt chắc/bông rất cao 159 hạt. Trọng lượng 1000 hạt khá cao, đạt từ 24-25 gam.

Về chất lượng xay chà giống này có tỷ lệ gạo lức 78,3%, tỷ lệ gạo nguyên chiếm 36,3%, tỷ lệ gạo trắng là 66,6%. Chiều dài hạt gạo dài 6,89 mm, chiều rộng 1,94 mm, tỷ lệ dài/rộng của hạt

